

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-PT

Ngày: 25/02/2025

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Lê Thị Hiệu

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLPT-DS ngày 18/11/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá bị đơn kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị G, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Văn T (bị đơn).

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông có cho vợ chồng ông T vay tiền nhiều lần. Ngày 13/3/2022 hai bên đối chiếu gia đình ông T còn nợ ông số tiền 50.000.000đ, bà L là người viết và ký tên giấy nợ (tài liệu ông cung cấp cho Tòa án số nợ ghi ngày 13/3/2022 ghi “ngày 13/3/2022 vợ chồng em có vay của anh H 50.000.000đ”). Thỏa thuận miệng thời gian vay 01 năm, lãi suất 1%/tháng, đến hạn trả nợ ông vợ chồng ông T không trả, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng vẫn không trả. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T bà L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 12.266.667đ, tổng cộng là 62.266.667đ.

Đối với file ghi âm là nội dung cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông và chị P (con gái ông T), ông có nói với chị P về nguồn gốc của số tiền nợ 50.000.000đ ông có cho vay thành nhiều lần, lúc 10.000.000đ, lúc 20.000.000đ, ông đưa tiền trực tiếp cho vợ ông T. Ông thừa nhận đã nhận số tiền 20.000.000đ từ ông T, tuy nhiên đây không phải trả nợ cho khoản nợ hai bên đã chốt ngày 13/3/2022 mà là trả cho khoản nợ của ngày 28/5/2021 và ngày 26/12/2021. Cuộc hội thoại tiếp theo chị P có hỏi ông về việc lên đóng trần nhà cho gia đình ông T ngoài ra có nói về việc vay tiền giữa ông và gia đình ông T tuy nhiên ông có trả lời chị P hôm đó ông chỉ lên làm giúp và không nhận tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông có vay tiền của ông H nhiều lần, ngày 13/3/2022 các bên chốt lại số nợ còn lại là 50.000.000đ, vợ ông viết vào sổ ghi nợ của ông H. Số tiền trên vợ chồng ông đã trả cho ông H cụ thể như sau:

Ngày 04/1/2023 trả cho ông H 20.000.000đ tại nhà ông H, ông là người giao tiền cho ông H, khi giao nhận các bên không ký giấy giao nhận tiền nhưng chị P có ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông H và Phương về việc ông H đã nhận 20.000.000đ.

Ngày 10/01/2023 ông đã trả cho ông H số tiền là 38.000.000đ, trong đó 30.000.000đ là tiền nợ gốc, 5.000.000đ tiền lãi của khoản vay 50.000.000đ và 3.000.000đ là trả cho khoản vay mà ông H cho vợ chồng ông vay để mua xe, trả tại nhà ông T, bà L là người đưa cho ông H, thời điểm đó chỉ có vợ chồng ông và ông H. Nguồn tiền để trả cho ông H là ông đã vay của bà Vui và vay Ngân hàng. Vì vậy, vợ chồng ông không đồng ý vì đã trả hết nợ.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 BLTTDS. Các Điều 463, 464, 466 và Điều 469 BLDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc ông T, bà L phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, lãi suất 1.560.000đ, tổng cộng

31.560.000đ. Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 04/10/2024, bị đơn ông T kháng cáo với nội dung đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoà.

* Tại phiên toà phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông T. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm; Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T không đồng ý bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã trả xong các khoản nợ, thấy rằng:.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H, ông T và bà L đều thống nhất: tính đến ngày 13/3/2022 vợ chồng ông T còn nợ ông H số tiền là 50.000.000đ. Vì vậy việc ông H cho rằng khoản tiền 20.000.000đ ông T trả vào ngày 04/01/2023 là trả cho khoản nợ ngày 28/5/2021 và khoản nợ ngày 26/12/2021 là không có cơ sở. Do đó việc vợ ông T trình bày đã trả số tiền gốc 20.000.000đ cho ông H đối với khoản nợ ngày 13/3/2022 vào ngày 04/01/2023 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản nợ chồng ông T khai đã trả số tiền gốc 30.000.000đ và lãi tổng cộng là 8.000.000đ vào ngày 10/01/2023 tại nhà ông T, ông H không thừa nhận việc này. Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả cho ông H số tiền này ngoài lời khai của vợ chồng ông. Tại cấp phúc thẩm phía ông T cũng không đưa ra được thêm chứng cứ hợp pháp chứng minh về việc đã trả khoản tiền gốc này. Đối với khoản tiền lãi, theo giấy vay, tòa cấp sơ thẩm xác định đây là khoản vay không kỳ hạn và không lãi là đúng, vì vậy buộc vợ chồng ông T phải trả cho ông H khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, thời gian tính từ ngày chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông T phải trả cho ông H số tiền gốc và

lãi tổng cộng là 31.560.000đ là có cơ sở nên kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Điều 313; khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Các Điều 463, 464, 466 và Điều 469 BLDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Hoà.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, lãi suất là 1.560.000đ, tổng cộng là 31.560.000đ (ba mươi một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 25 tháng 2 năm 2025

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Bà Lê Thị Hiệu

Đã tiến hành nghị án vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 118/2024/TLPT-DS ngày 18/11/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1959.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1959

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật: Khoản 1 Điều 308; Điều 313; khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Các Điều 463, 464, 466 và Điều 469 BLDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Biểu quyết 3/3.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Hoà.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, lãi suất là 1.560.000đ, tổng cộng là 31.560.000đ (ba mươi một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Biểu quyết 3/3.

2. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Biểu quyết 3/3.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nguyệt Lê Thị Hiệu

Ngô Thị Hà